

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NHANH

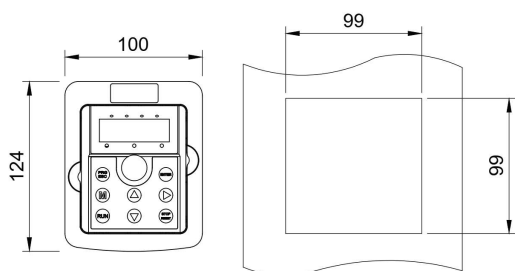
Tham số	Chức năng	Mô tả giá trị cài đặt	Giá trị mặc định
Nhóm PP: Tham số hệ thống			
PP-01	Reset	1: Khởi phục cài đặt mặc định	0
Nhóm P0: Tham số chức năng cơ bản			
P0-01	Phương thức điều khiển tốc độ	0: Phương thức điều khiển Vector vòng hở 2: Phương thức điều khiển V/F	0
P0-02	Lệnh chạy	0: Điều khiển trên bàn phím 1: Điều khiển bằng lệnh chạy ngoài 2: Truyền thông	0
P0-03	Lựa chọn nguồn điều khiển tần số chính	0: UP/DOWN trên bàn phím (Không lưu lại tần số) 1: UP/DOWN trên bàn phím (Lưu lại tần số) 2: AI1 3: AI2 4: Chiết áp trên bàn phím 5: Đầu vào dạng xung (DI5) 6: Đa cấp tốc độ 7: PLC tích hợp 8: PID 9: Truyền thông	4
P0-08	Tần số đặt trước	0.00 ~ Tần số lớn nhất (P0-10)	50.00Hz
P0-09	Hướng quay	0: Quay thuận 1: Quay ngược	0
P0-10	Tần số lớn nhất	50.00Hz ~ 500.0Hz	50.00Hz
P0-12	Giới hạn trên của tần số	P0-14 ~ P0-10	50.00Hz
P0-14	Giới hạn dưới của tần số	0.00Hz ~ P0-12	0.00Hz
P0-15	Tần số sóng mang	Phụ thuộc vào công suất	Tùy vào model
P0-17	Thời gian tăng tốc	0.0s ~ 6500.0s	Tùy vào model
P0-18	Thời gian giảm tốc	0.0s ~ 6500.0s	Tùy vào model
P0-23	Lựa chọn lưu trữ tần số khi tắt nguồn	0: Không nhớ giá trị 1: Nhớ giá trị	0
Nhóm P1: Thông số động cơ			
P1-01	Công suất định mức motor	0.1KW ~ 1000.0KW	Tùy vào model
P1-02	Điện áp định mức motor	1V ~ 2000V	Tùy vào model
P1-03	Dòng điện định mức motor	0.1A ~ 6553.5A	Tùy vào model
P1-04	Tần số định mức motor	0.01Hz ~ Tần số lớn nhất	50.00Hz
P1-05	Tốc độ định mức motor	1Rpm ~ 65535Rpm	Tùy vào model
P1-37	Dò tham số motor	0: Không chức năng 1: Dò động cơ kiểu tĩnh 2: Dò động cơ kiểu động	0
Nhóm P3: Cài đặt điều khiển V/F			
P3-01	Bù moment	0,1% ~ 30,0%	Tùy vào model
P3-23	Lựa chọn giới hạn điện áp	0: Không giá trị 1: Kích hoạt	1
Nhóm P4: Lựa chọn chức năng cổng đầu vào			
P4-00	Lựa chọn chức năng DI1	0: Không chức năng 1: Chạy thuận (FWD)	1
P4-01	Lựa chọn chức năng DI2	2: Chạy nghịch (REV) 3: Chế độ 3 dây	4
P4-02	Lựa chọn chức năng DI3	4: Chạy JOG thuận 5: Chạy JOG nghịch	9
P4-03	Lựa chọn chức năng DI4	8: Dừng tự do 9: Reset lỗi	12
P4-04	Lựa chọn chức năng DI5	12: Đa cấp tốc độ 1 13: Đa cấp tốc độ 2	13
P4-05	Lựa chọn chức năng DI6	14: Đa cấp tốc độ 3 15: Đa cấp tốc độ 4	0
P4-06	Lựa chọn chức năng DI7	47: Dừng khẩn cấp	0
P4-11	Chế độ điều khiển chạy thuận/nghịch	0: Chế độ 2 dây 1 2: Chế độ 3 dây 1	0

Tham số	Chức năng	Mô tả giá trị cài đặt	Giá trị mặc định
Nhóm P5: Lựa chọn chức năng các cổng đầu ra			
P5-02	Lựa chọn chức năng Relay 1	0: Không giá trị 1: Biến tần đang chạy	2
P5-03	Lựa chọn chức năng Relay 2	2: Báo lỗi đầu ra 3: Đạt ngưỡng FDT1 (Đặt tần số ngưỡng P8-19)	0
P5-04	Lựa chọn chức năng DO	38: Cảnh báo tất cả các lỗi	1
P5-07	Lựa chọn chức năng đầu ra AO1	0: Tần số đang vận hành 1: Tần số đặt	0
P5-08	Lựa chọn chức năng đầu ra AO2	7: AI1 8: AI2	1
Nhóm P6: Điều khiển chạy dừng			
P6-00	Phương thức khởi động	0: Khởi động trực tiếp 1: Bám tốc độ	0
P6-03	Tần số khởi động	0.00 Hz ~ 10.00 Hz	0.00Hz
P6-10	Chế độ dừng	0: Dừng theo thời gian 1: Dừng tự do	0
Nhóm P8: Chức năng phụ trợ			
P8-00	Tần số chạy JOG	0.00Hz ~ Tần số max	2.00Hz
P8-01	Thời gian tăng tốc JOG	0.0s ~ 6500.0s	20.0s
P8-02	Thời gian giảm tốc JOG	0.0s ~ 6500.0s	20.0s
P8-18	Bảo vệ khởi động	0: Lệnh chạy không tác dụng khi bật nguồn 1: Lệnh chạy tác dụng khi bật nguồn	0
P8-19	Giá trị ngưỡng trên FDT1	0.00Hz ~ Tần số max	50.00Hz
P8-20	Độ trễ ngắt FDT1	0.00 ~ 100%	5.0%
P8-49	Tần số đánh thức	P8-51 ~ P0-10	0.00Hz
P8-51	Tần số đánh ngủ	0.00Hz ~ P0-49	0.00Hz
Nhóm P9: Nhóm chức năng bảo vệ			
P9-08	Điện áp xả	S2: ~350VDC 4: ~700VDC	700V
P9-12	Lựa chọn bảo vệ mất pha đầu vào / Contactor	0: Vô hiệu hóa 1: Cho phép	11
P9-13	Lựa chọn bảo vệ mất pha đầu ra	0: Vô hiệu hóa 1: Cho phép	1
Nhóm PA: Nhóm chức năng PID			
PA-00	Nguồn cài PID	0: Cài bằng thông số PA-01 1: AI1 2: AI2 4: Pulse (Chân DI5) 5: Truyền thông	0
PA-01	Cài giá trị đặt PID	0.0% ~ 100.0%	50.00%
PA-02	Nguồn phản hồi PID	0: AI1 1: AI2 2: AI3 4: Pulse (Chân DI5) 5: Truyền thông	0
PA-05	KP1	0.0 ~ 100.0	20
PA-06	TI1	0.01s ~ 10.00s	2.00s
PA-07	TD1	0.000s ~ 10.000s	0.000s
PA-08	Tần số đảo ngược PID	0.0% ~ 100.0% Lưu ý: Cần đặt giá trị PA-08 = 0, đây là tham số khi đạt đủ giá trị sẽ đảo chiều quay động cơ	0.00Hz
PA-28	Chế độ vận hành PID	0: Dừng không vận hành 1: Vận hành khi dừng	0
Nhóm PC: Nhóm chức năng đa cấp tốc độ, PLC đơn giản			
PC-00	Đa cấp tốc độ 0	-100.0% ~ 100.0%	0.00%
PC-01	Đa cấp tốc độ 1	-100.0% ~ 100.0%	0.00%
PC-02	Đa cấp tốc độ 2	-100.0% ~ 100.0%	0.00%
PC-03	Đa cấp tốc độ 3	-100.0% ~ 100.0%	0.00%
PC-04	Đa cấp tốc độ 4	-100.0% ~ 100.0%	0.00%
PC-51	Nguồn đặt cấp tốc độ 0	0: Đặt bằng PC-00 1: AI1 2: AI2 6: UP/DOWN (P0-08)	0

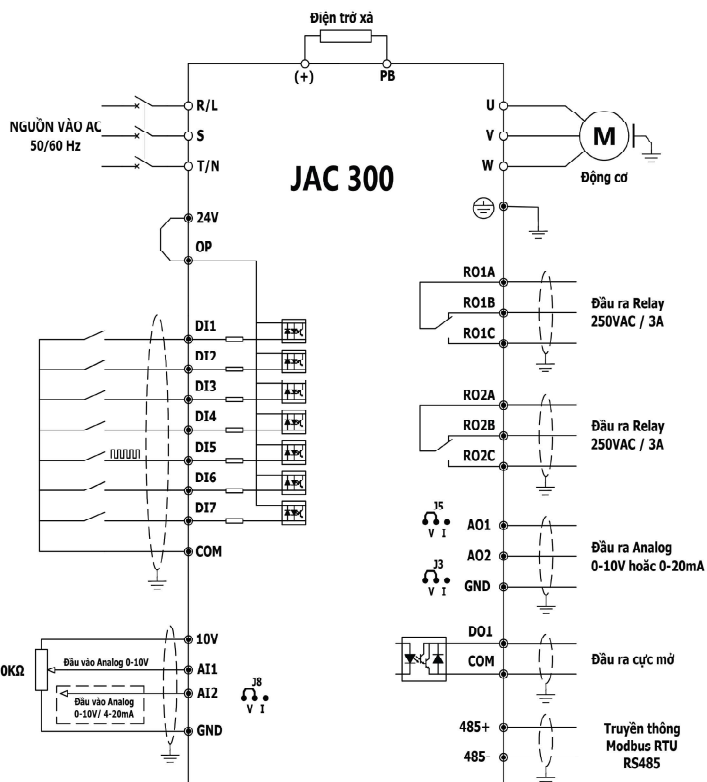
Bảng chọn điện trở xả

STT	Sản Phẩm	Giá trị
Đầu vào 1 pha 220V, đầu ra 3 pha 220V		
1	JAC300-0R7GB-S2-5013	300 W - 150 Ω
2	JAC300-1R5GB-S2-5013	500 W - 100 Ω
3	JAC300-2R2GB-S2-5013	800 W - 70 Ω
4	JAC300-004GB-S2-5023	1000 W - 50 Ω
5	JAC300-5R5GB-S2-5023	2000 W - 50 Ω
Đầu vào 3 pha 380V, đầu ra 3 pha 380V		
1	JAC300-0R7GB-4-5013	300 W - 250 Ω
2	JAC300-1R5GB-4-5013	300 W - 200 Ω
3	JAC300-2R2GB-4-5013	500 W - 200 Ω
4	JAC300-004GB-4-5013	500 W - 150 Ω
5	JAC300-5R5GB-4-5013	800 W - 100 Ω
6	JAC300-7R5GB-4-5023	1000 W - 70 Ω
7	JAC300-011GB-4-5023	2000 W - 50 Ω

Kích thước gá màn hình



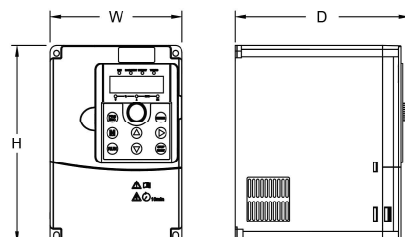
Sơ đồ kết nối



Mã lỗi và cách khắc phục

STT	Mã lỗi	Diễn giải	Cách khắc phục
1	Err02	Quá dòng điện trong quá trình tăng tốc	- Kéo dài thời gian tăng, giảm tốc. - Giảm bớt tải.
2	Err03	Quá dòng điện trong quá trình giảm tốc	- Kiểm tra lại dây dẫn và động cơ. - Đặt lại chính xác tham số số động cơ và thực hiện dò động cơ.
3	Err04	Quá dòng điện ở vận tốc không đổi	- Điều chỉnh điện áp đầu vào trong khoảng cho phép.
4	Err05	Quá dòng điện trong quá trình tăng tốc	- Kéo dài thời gian tăng, giảm tốc. - Giảm bớt tải.
5	Err06	Quá dòng điện trong quá trình giảm tốc	- Kiểm tra lại dây dẫn và động cơ. - Đặt lại chính xác tham số số động cơ và thực hiện dò động cơ.
6	Err07	Quá dòng điện ở vận tốc không đổi	- Điều chỉnh điện áp đầu vào trong khoảng cho phép. - Lắp đặt thêm điện trở xả.
7	Err08	Lỗi nguồn điện đầu vào	- Kiểm tra và điều chỉnh điện áp đầu vào trong khoảng cho phép.
8	Err09	Điện áp đầu vào thấp	
9	Err10	Quá tải biến tần	- Giảm bớt tải. - Đặt lại chính xác tham số số động cơ và thực hiện dò động cơ.
10	Err11	Quá tải động cơ	- Kiểm tra lại dây dẫn và động cơ. - Chọn biến tần có công suất lớn hơn. - Liên hệ với kỹ thuật viên.
11	Err12	Lỗi mất pha đầu vào	- Kiểm tra lại dây dẫn và nguồn đầu vào biến tần.
12	Err13	Lỗi mất pha đầu ra	- Kiểm tra dây dẫn từ biến tần tới động cơ. - Kiểm tra lại động cơ.
13	Err14	Quá nhiệt biến tần	- Kiểm tra và vệ sinh quạt tản nhiệt biến tần. - Điều chỉnh nhiệt độ tại vị trí lắp đặt trong khoảng cho phép. - Liên hệ với kỹ thuật viên.
14	Err16	Lỗi truyền thông	- Kiểm tra lại dây kết nối. - Đặt lại chính xác tham số truyền thông.
15	Err23	Lỗi chạm vỏ	- Kiểm tra lại dây dẫn và động cơ. - Liên hệ với kỹ thuật viên.
16	Err40	Lỗi giới hạn dòng điện	- Giảm bớt tải. - Kiểm tra lại dây dẫn và động cơ. - Chọn biến tần có công suất lớn hơn.
17	Err42	Lỗi phát hiện quá tốc độ	- Đặt lại chính xác tham số số động cơ và thực hiện dò động cơ. - Chuyển sang chế độ chạy V/F. - Kiểm tra lại động cơ. - Liên hệ với kỹ thuật viên.

Kích thước sản phẩm



Kiểu	Công suất (KW)	H (mm)	W (mm)	D (mm)	Lỗ (mm)
5013	0.75-5.5	186	125	165	φ5
5023	7.5-11	248	160	185	φ5
5030B	15-18.5	322	208	211	φ6
5041B	22	352	208	215	φ6
5042B	30-37	435	252	250	φ7
5050B	45-55	582	375	268	φ10
5061B	75-110	576	353	340	φ10
5063	132-160	725	403	345	φ12
5071B	200-220	870	500	424	φ12
5083	250-315	960	680	390	φ16

Tham khảo tài liệu JAC300 series inverter để biết thêm nhiều chức năng khác.

Xin chân thành cảm ơn!